

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2010  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2010**

## MỤC LỤC

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

# **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, Cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Vũ Cao Thăng	Ủy viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 17/4/2010)
4. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Nguyễn Đức Dũng	Ủy viên Hội đồng Quản trị
6. Bà Hòa Thị Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 17/4/2010)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

1. Ông Phạm Ánh Dương	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Phạm Ánh Dương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2010

Số: /2010/BCSX-IFC-ACAGROUP1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010**  
**đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**  
**của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Lê Xuân Thắng**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV  
Ngày 30 tháng 7 năm 2010

---

**Phạm Tiến Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>295.331.790.464</b>	<b>222.826.255.765</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>40.864.651.488</b>	<b>77.821.764.375</b>
1. Tiền	111	5.1	40.864.651.488	77.821.764.375
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>147.366.760.356</b>	<b>84.576.400.271</b>
1. Phải thu khách hàng	131		72.189.302.492	47.669.097.498
2. Trả trước cho người bán	132		73.998.549.087	35.853.593.761
5. Các khoản phải thu khác	135		1.247.934.909	1.122.735.144
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(69.026.132)	(69.026.132)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>91.483.844.582</b>	<b>48.690.499.468</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.2	91.483.844.582	48.690.499.468
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.616.534.038</b>	<b>11.737.591.651</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.723.836.234	3.677.305.857
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.744.114.819	489.001.160
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		644.662.737	636.336.437
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.503.920.248	6.934.948.197
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>245.629.358.260</b>	<b>214.024.570.063</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>242.121.663.743</b>	<b>210.278.501.824</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	224.994.856.547	202.398.726.706
- Nguyên giá	222		258.808.467.617	224.354.028.764
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.813.611.070)	(21.955.302.058)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.3	7.714.477.667	7.879.775.118
- Nguyên giá	228		8.158.030.564	8.158.030.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(443.552.897)	(278.255.446)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5	9.412.329.529	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.507.694.517</b>	<b>3.746.068.239</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.507.694.517	3.746.068.239
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>540.961.148.724</b>	<b>436.850.825.828</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

**MẪU B 01-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>273.902.229.468</b>	<b>314.823.883.480</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>154.263.688.010</b>	<b>187.535.370.022</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.6	65.193.041.444	143.428.258.206
2. Phải trả người bán	312		71.715.478.963	28.231.006.562
3. Người mua trả tiền trước	313		7.006.696.984	4.815.756.714
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.7	30.882.099	88.650.896
5. Phải trả người lao động	315		2.428.660.809	1.934.603.170
6. Chi phí phải trả	316		1.487.500.000	4.320.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.8	5.605.085.401	4.136.356.492
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		796.342.310	580.737.982
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>119.638.541.458</b>	<b>127.288.513.458</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.9	119.539.734.740	127.188.734.740
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		98.806.718	99.778.718
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>266.060.609.611</b>	<b>121.026.942.348</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.10</b>	<b>266.060.609.611</b>	<b>121.026.942.348</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.000.000.000	66.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		107.100.000.000	18.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.299.403.650)	(1.802.432.110)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.837.595.577	694.254.833
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.837.595.577	747.601.940
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.837.595.577	(335.234.665)
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		50.747.226.530	37.722.752.350
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>998.309.645</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>540.961.148.724</b>	<b>436.850.825.828</b>

**Phạm Anh Dương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2010

**Hòa Thị Thu Hà**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

**MẪU B 02-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
<b>1.</b>	<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>281.191.020.630</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	444.875.649
<b>3.</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<b>10</b>		<b>280.746.144.981</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	210.160.783.729
<b>5.</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng</b>	<b>20</b>		<b>70.585.361.252</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.872.839.673
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	18.846.300.200
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.745.208.808
8.	Chi phí bán hàng	24		17.270.852.492
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.402.586.273
<b>10.</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>27.938.461.960</b>
11.	Thu nhập khác	31		1.294.520.499
12.	Chi phí khác	32		179.510.547
<b>13.</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.115.009.952</b>
<b>15.</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>29.053.471.912</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
<b>18.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>29.053.471.912</b>
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1.690.355)
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		29.055.162.267
<b>19.</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.6</b>	<b>3.833</b>

**Phạm Ánh Dương**  
**Tổng Giám đốc**  
Hải Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2010

**Hòa Thị Thu Hà**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

**MẪU B 03-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>29.053.471.912</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
- Khấu hao TSCĐ	02	12.023.606.463
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.299.403.650
- Chi phí lãi vay	06	12.745.208.808
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>56.121.690.833</b>
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(67.482.819.762)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(42.793.345.114)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	44.007.484.966
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.191.843.345
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12.745.208.808)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.168.084.124
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.187.542.420)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(20.719.812.836)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(45.430.700.762)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	400.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(45.030.700.762)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	122.100.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	195.614.255.441
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(282.484.145.189)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>28.630.110.252</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(37.120.403.346)</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>77.821.764.375</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	163.290.459
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>40.864.651.488</b>

Phạm Ánh Dương  
Tổng Giám đốc  
Hải Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2010

Hòa Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

***Công ty mẹ***

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Trong kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày ngày 21 tháng 5 năm 2010.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

***Công ty con***

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (“Công ty con”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT – YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Lô số 149, đường Kim Đồng, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

***Vốn điều lệ của Công ty***

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 21 ngày 5 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 99.000.000.000 đồng (Chín mươi chín tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Danh sách các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Loại cổ phần</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị cổ phần</b>
1	Phạm Ánh Dương	Phổ thông	1.854.000	18.540.000.000
2	Phạm Hoàng Việt	Phổ thông	879.300	8.793.000.000
3	Nguyễn Lê Trung	Phổ thông	236.700	2.367.000.000
4	Nguyễn Đức Dũng	Phổ thông	30.000	300.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MẪU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MẪU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN (TIẾP)**

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá sổ dư.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC. So với việc áp dụng theo VAS10, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC sẽ làm cho lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 tăng 1.802.432.110 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm một khoản tương ứng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2010. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MÃU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty có 1 công ty con, chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Địa chỉ	:	Số 149, đường Kim Đồng, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Hoạt động chính:	:	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác đá, mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm nhựa.
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/6/2010	:	61.760.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	:	98,40%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	98,40%

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MẪU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	7 - 8
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Cây lay năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	5
Tài sản khác	3

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	50
Phần mềm máy vi tính	3

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán theo hướng dẫn tại thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư. Hướng dẫn tại thông tư nói trên của Bộ Tài chính có sự khác biệt căn bản với những quy định hiện hành của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MẪU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty được miễn thuế thu nhập đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 2 và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1. Thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động thương mại và hoạt động khác là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MẪU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**Thuế (tiếp)**

cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 – DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. TIỀN**

	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	36.606.317.441	40.149.991.386
Tiền gửi ngân hàng	3.858.334.047	37.671.772.989
Tiền đang chuyển	400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>40.864.651.488</b>	<b>77.821.764.375</b>

**5.2. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	51.733.848.937	21.557.972.945
Công cụ, dụng cụ	5.157.234.647	4.450.204.147
Chi phí SXKD dở dang	18.158.150.807	6.192.345.447
Thành phẩm	16.346.005.793	16.489.619.813
Hàng gửi đi bán	88.604.398	357.116
<b>Cộng</b>	<b>91.483.844.582</b>	<b>48.690.499.468</b>

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 91.483.844.582 đồng.

**5.3. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2010	8.092.644.904	65.385.660	8.158.030.564
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2010	8.092.644.904	65.385.660	8.158.030.564
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2010	241.603.479	36.651.967	278.255.446
Khấu hao trong kỳ	156.588.732	8.708.719	165.297.451
Số dư tại ngày 30/06/2010	398.192.211	45.360.686	443.552.897
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2010	<b>7.851.041.425</b>	<b>28.733.693</b>	<b>7.879.775.118</b>
Số dư tại ngày 30/6/2010	<b>7.694.452.693</b>	<b>20.024.974</b>	<b>7.714.477.667</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc, cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2010	48.810.439.161	167.412.893.983	6.701.268.017	920.754.603	508.673.000	-	224.354.028.764
Mua trong kỳ	135.000.000	32.590.802.730	3.125.757.888	91.275.615	62.660.000	12.875.000	36.018.371.233
Thanh lý, nhượng bán	926.500.000	231.552.380	405.880.000	-	-	-	1.563.932.380
Số dư tại ngày 30/6/2010	48.018.939.161	199.772.144.333	9.421.145.905	1.012.030.218	571.333.000	12.875.000	258.808.467.617
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2010	1.538.317.885	18.414.403.779	1.869.468.037	119.463.619	13.648.738	-	21.955.302.058
Khấu hao trong kỳ	1.540.087.344	9.916.108.844	781.398.044	95.505.464	29.218.899	2.912.250	12.365.230.845
Thanh lý, nhượng bán	20.756.356	92.408.292	393.757.185	-	-	-	506.921.833
Số dư tại ngày 30/6/2010	3.057.648.873	28.238.104.331	2.257.108.896	214.969.083	42.867.637	2.912.250	33.813.611.070
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2010	<b>47.272.121.276</b>	<b>148.998.490.204</b>	<b>4.831.799.980</b>	<b>801.290.984</b>	<b>495.024.262</b>	-	<b>202.398.726.706</b>
Tại ngày 30/6/2010	<b>44.961.290.288</b>	<b>171.534.040.002</b>	<b>7.164.037.009</b>	<b>797.061.135</b>	<b>528.465.363</b>	<b>9.962.750</b>	<b>224.994.856.547</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 224.994.856.547 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 – DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.5. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>30/06/2010</b>	<b>1/1/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Xây dựng Công ty An phát - Yên Bái	9.396.744.729	-
Công trình khác	15.584.800	-
<b>Cộng</b>	<b>9.412.329.529</b>	<b>-</b>

**5.6. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2010</b>	<b>1/1/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương (i)	60.208.414.244	100.436.251.616
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (ii)	4.984.627.200	15.292.006.590
Ngân hàng Quân đội - SGD Hà Nội	-	27.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>65.193.041.444</b>	<b>143.428.258.206</b>

(i) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 2.950.965,53 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 5.485.709.456 đồng.

(ii) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 268.800 USD.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty.

**5.7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30/06/2010</b>	<b>1/1/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập cá nhân	30.882.099	61.809.146
Các loại thuế khác	-	26.841.750
<b>Cộng</b>	<b>30.882.099</b>	<b>88.650.896</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 – DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.8. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	<b>30/06/2010</b>	<b>1/1/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	23.350.609	21.363.482
Kinh phí công đoàn	64.224.573	30.627.165
Bảo hiểm xã hội	167.699.981	45.734.719
Bảo hiểm thất nghiệp	38.710.009	-
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	53.102.511	594.756.594
Phải trả, phải nộp khác	5.257.997.718	3.443.874.532
<b>Cộng</b>	<b>5.605.085.401</b>	<b>4.136.356.492</b>

**5.9. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>30/06/2010</b>	<b>1/1/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	9.538.734.740	13.188.734.740
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (ii)	56.001.000.000	60.000.000.000
Trái phiếu phát hành (iii)	54.000.000.000	54.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>119.539.734.740</b>	<b>127.188.734.740</b>

(i) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, lãi suất của các khoản vay này khoảng 13,78%/năm, toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam.

(ii) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, lãi suất của các khoản vay này khoảng 14,25%/năm, toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam.

Các khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định của Công ty.

(iii) Thực hiện theo Quyết định số 0101/2009/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 1 năm 2009 của Hội đồng quản trị về thông qua phương án phát hành và sử dụng nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu. Ngày 13 tháng 04 năm 2009, Công ty đã thực hiện huy động 54.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành 54 trái phiếu chuyển đổi có thể mua lại với mệnh giá trái phiếu là 1.000.000.000 đồng/trái phiếu với kỳ hạn 3 năm và có thể gia hạn thêm 1 năm, lãi suất trái phiếu là 8,5%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MẪU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.10. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tur của chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Số dư tại 1/1/2009	66.000.000.000	18.000.000.000	-	-	-	(9.762.969)	19.091.445.525	103.081.682.556
Lãi năm trước	-	-	-	-	-	-	37.722.752.350	37.722.752.350
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.143.732.333	1.143.732.333	1.143.732.333	(6.862.393.997)	(3.431.196.998)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(9.214.095.500)	(9.214.095.500)
Chi tiền quỹ	-	-	-	(449.477.500)	(396.130.393)	(1.242.994.629)	-	(2.088.602.522)
Giảm khác	-	-	(1.802.432.110)	-	-	(226.209.400)	(3.014.956.028)	(5.043.597.538)
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>66.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>(1.802.432.110)</b>	<b>694.254.833</b>	<b>747.601.940</b>	<b>(335.234.665)</b>	<b>37.722.752.350</b>	<b>121.026.942.348</b>
Tăng vốn trong kỳ	33.000.000.000	89.100.000.000	-	-	-	-	-	122.100.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	29.055.162.267	29.055.162.267
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	1.886.137.618	1.886.137.618	1.886.137.618	(9.430.688.087)	(3.772.275.233)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
Tăng khác	-	-	1.802.432.110	1.257.203.126	1.378.629.374	3.532.251.624	-	7.970.516.234
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	(174.773.355)	(1.245.559.000)	-	(1.420.332.355)
Giảm khác	-	-	(2.299.403.650)	-	-	-	-	(2.299.403.650)
<b>Số dư tại 30/6/2010</b>	<b>99.000.000.000</b>	<b>107.100.000.000</b>	<b>(2.299.403.650)</b>	<b>3.837.595.577</b>	<b>3.837.595.577</b>	<b>3.837.595.577</b>	<b>50.747.226.530</b>	<b>266.060.609.611</b>

(i) Phân chia lợi nhuận của năm 2009 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 0104/2010/BB-ĐHĐ ngày 17 tháng 4 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận cho các quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển là 5%, riêng quỹ khen thưởng là 10% lợi nhuận năm 2009. Chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu là 6.600.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MẪU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>30/6/2010</b>	<b>1/1/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	99.000.000.000	66.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>99.000.000.000</b>	<b>66.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	66.000.000.000	66.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	33.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	99.000.000.000	66.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.600.000.000	-

**Cổ phiếu**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Số cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.900.000	6.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.900.000	6.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.900.000	6.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.900.000	6.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.900.000	6.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MẪU SỐ B09 – DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**6.1. DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa	27.993.028.080
Doanh thu bán các thành phẩm	253.197.992.550
<b>Cộng</b>	<b>281.191.020.630</b>
	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>444.875.649</b>
Trong đó:	
- Giảm giá hàng bán	251.469.082
- Hàng bán bị trả lại	193.406.567

**6.2. GIÁ VỐN**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>
Giá vốn của hàng hóa	26.369.462.349
Giá vốn của thành phẩm	183.791.321.380
<b>Cộng</b>	<b>210.160.783.729</b>

**6.3. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.930.195
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.797.909.478
<b>Cộng</b>	<b>4.872.839.673</b>

**6.4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>
Lãi tiền vay	12.745.208.808
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.101.091.392
<b>Cộng</b>	<b>18.846.300.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 – DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6.5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
<b>Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>29.053.471.912</b>
<b>Trong đó:</b>	
Thu nhập đang được miễn thuế	29.053.471.912
Thu nhập chịu thuế (i)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>

(i) Thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại và thu nhập từ hoạt động khác.

**6.6. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>29.055.162.267</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>29.055.162.267</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	7.580.962
<b>Lãi cơ bản trên một cổ phiếu</b>	<b>3.833</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 – DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong 6 tháng đầu năm 2010 như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009 VND</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>			<b>144.000.000</b>	<b>144.000.000</b>
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Vũ Cao Thăng	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	9.000.000	18.000.000
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	9.000.000	-
<b>Ban kiểm soát</b>			<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
Bà Vũ Thị Thúy Nguyên	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao BKS	24.000.000	24.000.000
Bà Đỗ Thị Thoan	Ban kiểm soát	Thù lao BKS	18.000.000	18.000.000
Bà Văn Thị Lan Anh	Ban kiểm soát	Thù lao BKS	18.000.000	18.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			<b>330.000.000</b>	<b>222.000.000</b>
Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc	Tiền lương	-	114.000.000
Ông Phạm Ánh Dương	Tổng Giám đốc	Tiền lương	210.000.000	-
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	120.000.000	108.000.000
Ông Trần Hoàng Hoan	Phó tổng giám đốc	Tiền lương	120.000.000	102.000.000

**7.2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**7.3. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán, tuy nhiên không có số liệu so sánh trong Báo cáo kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ do kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 Công ty chưa đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản An Phát – Yên Bái. Một số số liệu được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu của kỳ này.

Khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và khoản mục “Chi phí tài chính” trên Báo cáo kết quả kinh doanh không so sánh được với số liệu tương ứng kỳ trước do Công ty không áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như trình bày tại Thuyết minh số 3.

---

**Phạm Ánh Dương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2010

---

**Hòa Thị Thu Hà**  
**Kế toán trưởng**